

## **KẾ HOẠCH**

**Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Kết luận số 13-KL/TW ngày 28/10/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo**

Căn cứ Kế hoạch số 84-KH/BKTTW ngày 20/5/2022 của Ban KTTW về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Kết luận số 13-KL/TW ngày 28/10/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW; Căn cứ Công văn số 1936- CV/BKTTW ngày 20/5/2022 của Ban KTTW về triển khai Kế hoạch và Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung sau:

### **I. Mục đích**

- Đánh giá phát triển giáo dục và đào tạo của vùng, giai đoạn 2005-2020 và năm 2021, theo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển vùng được đề ra trong Nghị quyết 54-NQ/TW; Kết luận 13-KL/TW.

- Đánh giá, phân tích tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế đến phát triển giáo dục đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng; xác định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng đồng bằng sông Hồng đối với phát triển giáo dục đào tạo của cả nước; điểm mạnh, điểm yếu và cơ hội, thách thức đối với phát triển giáo dục đào tạo của vùng.

- Đề xuất quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong phát triển giáo dục và đào tạo của vùng đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trên cơ sở các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục đào tạo tại Văn kiện Đại hội XIII và bối cảnh tình hình mới.

### **II. Yêu cầu**

- Tổng kết cần bám sát các nội dung về giáo dục đào tạo của Nghị quyết 54-NQ/TW và Kết luận 13-KL/TW của Bộ Chính trị và các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trong thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW, các Nghị quyết Trung ương ban

hành thời gian gần đây về phát triển giáo dục đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng nhất là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

- Tổng kết, đánh giá cần khách quan, nghiêm túc, phản ánh đúng thực tiễn, rút ra được những mặt đạt được, bài học kinh nghiệm; những mặt chưa đạt được, nguyên nhân; những khó khăn và những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai Nghị quyết 54-NQ/TW.

- Đề xuất những quan điểm, chủ trương, cơ chế, chính sách, nhiệm vụ và giải pháp khả thi, phù hợp với bối cảnh, vai trò, vị thế của vùng đồng bằng sông Hồng và xu thế phát triển của các địa phương trong vùng, của toàn vùng và cả nước trong thời kỳ mới; phù hợp với các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục đào tạo tại Văn kiện Đại hội XIII.

- Đảm bảo tổng kết toàn diện, sâu sắc, tránh hình thức, đúng kế hoạch, hiệu quả và tiết kiệm.

### **III. Phạm vi, đối tượng, nội dung báo cáo, thời hạn hoàn thành**

- Về phạm vi, đối tượng: Tổng kết lĩnh vực phát triển giáo dục đào tạo của các tỉnh/thành phố vùng Đồng bằng sông Hồng gồm các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2020 và năm 2021.

- Về nội dung báo cáo: Theo phụ lục đề cương (đính kèm).

- Về thời hạn: Hoàn thành báo cáo trước ngày 01/7/2022 để gửi Ban Kinh tế Trung ương.

### **IV. Tiến độ thực hiện**

| STT | Nội dung/hoạt động   | Thời hạn hoàn thành  | Phân công thực hiện                   |
|-----|--|----------------------|---------------------------------------|
| 1.  | Hoàn thành dự thảo Kế hoạch tổng kết; Đề cương Báo cáo   | Trước ngày 26/5/2022 | Vụ KHTC chủ trì                       |
| 2.  | Xin ý kiến các Vụ/cục liên quan và hoàn thiện trình Thứ trưởng ký ban hành Kế hoạch tổng kết     | Trước ngày 30/5/2022 | Vụ KHTC chủ trì, các Vụ/Cục liên quan |
| 3.  | Phát hành công văn kèm theo Đề cương đề nghị các các Sở GDĐT các tỉnh vùng ĐBSH báo cáo tổng kết | Trước ngày 30/5/2022 | Vụ KHTC chủ trì                       |



|     |  |                      |  |
|-----|--|----------------------|--|
| 4.  | Các Sở GDĐT các tỉnh/thành phố vùng ĐBSH gửi Báo cáo tổng kết theo đề cương về Vụ Kế hoạch Tài chính tổng hợp        | Trước ngày 10/6/2022 | Sở GDĐT các tỉnh/thành phố vùng ĐBSH                             |
| 5.  | Cục CNTT (Phòng Thống kê) báo cáo cung cấp số liệu theo vùng tại Phụ lục đề cương báo cáo                            | Trước ngày 12/6/2022 | Cục CNTT (Phòng Thống kê) chủ trì; các Vụ/Cục liên quan phối hợp |
| 6.  | Các Vụ/Cục, đơn vị liên quan thuộc Bộ gửi báo cáo tổng kết theo đề cương phân công về Vụ Kế hoạch Tài chính tổng hợp | Trước ngày 15/6/2022 | Các Vụ/Cục, đơn vị thuộc Bộ liên quan                            |
| 7.  | Xây dựng dự thảo 1 Báo cáo tổng kết và lấy ý kiến góp ý các đơn vị liên quan   | Trước ngày 18/6/2022 | Vụ KHTC chủ trì, các Vụ/Cục, đơn vị liên quan phối hợp           |
| 8.  | Hoàn thiện Dự thảo lần 1 theo ý kiến góp ý các đơn vị liên quan  | Trước ngày 20/6/2022 | Vụ KHTC chủ trì, các Vụ/Cục, đơn vị liên quan phối hợp           |
| 9.  | Tổ chức họp lấy ý kiến góp ý các đơn vị liên quan do Thứ trưởng Nguyễn Hữu Độ chủ trì                                | Trước ngày 22/6/2022 | Vụ KHTC chủ trì, các Vụ/Cục, đơn vị liên quan phối hợp           |
| 10. | Hoàn thiện Dự thảo lần 2 theo chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Hữu Độ và ý kiến góp ý các đơn vị liên quan              | Trước 25/6/2022      | Vụ KHTC chủ trì, các Vụ/Cục liên quan phối hợp                   |
| 11. | Trình Lãnh đạo Bộ và xin ý kiến Ban cán sự Đảng dự thảo Báo cáo tổng kết để ký duyệt gửi Ban KTTW                    | Trước ngày 01/7/2022 | Vụ KHTC chủ trì, các Vụ/Cục liên quan phối hợp                   |

## V. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh/thành phố vùng Đồng bằng sông Hồng triển khai các nhiệm vụ có liên quan nêu tại Kế hoạch này; hoàn thành gửi báo cáo theo đề cương và tiến độ thực hiện tại mục IV Kế hoạch này và gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp.

2. Vụ Kế hoạch Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí trong dự toán được giao hàng năm để thực hiện tổng kết theo quy định của Luật NSNN hiện hành.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này của các đơn vị; báo cáo và kiến nghị với Lãnh đạo Bộ về các biện pháp cần thiết đảm bảo Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, các đơn vị kịp thời phản ánh các vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, xử lý. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Sở GDĐT các tỉnh/thành phố vùng ĐBSH;
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Độ**



## PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo Kế hoạch số ~~100~~/KH-BGDĐT ngày ~~22~~/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### Phần mở đầu

1. Khái quát về chức năng, nhiệm vụ chung của của Bộ và nhiệm vụ chính trong triển khai thực hiện Nghị quyết 54 -NQ/TW; Kết luận 13-KL/TW, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW, Kế hoạch thực hiện Kết luận 13-KL/TW, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng và các văn bản khác liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. **(Văn phòng BCSD thực hiện)**

- Khái quát căn cứ, mục tiêu, vai trò của việc tổng kết thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW; Kết luận 13-KL/TW đối với Bộ, ngành. **(Vụ KHTC thực hiện)**

- Khái quát quá trình tổ chức tổng kết. **(Vụ KHTC thực hiện)**

### Phần thứ nhất

I. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai Nghị quyết 54-NQ/TW và Kết luận 13-KL/TW **(Văn phòng BCSD thực hiện)**

II. Quán triệt, triển khai, cụ thể hóa Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW, Kế hoạch thực hiện Kết luận 13-KL/TW, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng và các văn bản khác liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ **(Văn phòng BCSD thực hiện)**

1. Công tác tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế chính sách

2. Công tác nghiên cứu, xây dựng, ban hành cơ chế chính sách theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của Bộ

### Phần thứ hai

**I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 54-NQ/TW<sup>1</sup>**

**1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Bộ**

*Phân tích kết quả phát triển giáo dục và đào tạo của vùng, giai đoạn 2005-2020 và năm 2021, theo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển vùng được đề ra trong Nghị quyết 54-NQ/TW; Kết luận 13-KL/TW; Các Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006, Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 10/2/2014, Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:*

---

<sup>1</sup> Căn cứ vào Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 10/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận số 13-KL/TW ngày 28/10/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW; Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020;

(i) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt các năm 2020, 2021 so với năm 2005; so với các vùng khác và bình quân chung cả nước trong cùng giai đoạn. **(Vụ GDMN, GDTH, GDTrH thực hiện)**

(ii) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học ở các mức độ; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các mức độ; tỷ lệ tốt nghiệp các cấp học các năm 2020, 2021 so với năm 2005; so với các vùng khác và bình quân chung cả nước trong cùng giai đoạn. **(Vụ GDMN, Vụ GDTH, GDTrH thực hiện)**

(iii) Tỷ lệ học sinh ở các cấp học đến trường: mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông các năm 2020, 2021 so với năm 2005; so với các vùng khác và bình quân chung cả nước trong cùng giai đoạn. **(Vụ GDMN, GDTH, GDTrH thực hiện)**

(iv) Tỷ lệ kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên các năm 2020, 2021 so với năm 2005: so với các vùng khác và bình quân chung cả nước trong cùng giai đoạn. **(Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)**

(v) Đánh giá về phát triển giáo dục dân tộc trong vùng **(Vụ GDDT thực hiện)**

(vi) Đánh giá về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong vùng **(Cục NG&CBQLGD thực hiện)**

(vii) Đánh giá về giáo dục toàn diện cho học sinh, bạo lực học đường, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường và các vấn đề giáo dục gây bức xúc xã hội **(Vụ GDCT&HSSV thực hiện)**

(viii) Đánh giá về chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo các năm 2020, 2021 so với năm 2005, so với các vùng khác và mặt bằng chung cả nước trong cùng giai đoạn. **(Vụ GDMN thực hiện)**

(ix) Đánh giá về đào tạo mới và đào tạo lại trình độ cao cho các ngành công nghiệp điện tử, chế tạo máy, điện, sản xuất vật liệu, ngân hàng, du lịch, viễn thông, các ngành công nghiệp hỗ trợ **(Vụ GDDH thực hiện)**

(x) Đánh giá về việc xây dựng một trường đại học ở Thủ đô Hà Nội thành trung tâm đào tạo chất lượng cao và trường đại học mở kết hợp đào tạo từ xa đạt chuẩn các trường đại học tiên tiến trong khu vực; về xây dựng các trường đại học chuyên ngành tại các tỉnh lân cận thành phố Hà Nội và các tỉnh khác trong vùng; nghiên cứu xây dựng Khu đô thị đại học tại Hưng Yên. **(Vụ GDDH, Cục CSVC thực hiện)**

(xi) Đánh giá về công tác di dời các trường đại học ra ngoài Thủ đô Hà Nội và xây dựng một số trường đại học chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. **(Vụ GDDH, Viện KHGDVN thực hiện)**

(xii) Các nội dung khác. **(Các Vụ/cục liên quan)**



## **2. Đánh giá về xây dựng kết cấu hạ tầng cho phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng giai đoạn 2005-2020 và năm 2021**

*Phân tích và đánh giá kết quả phát triển kết cấu hạ tầng cho phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng, giai đoạn 2005-2020 và năm 2021, theo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển vùng được đề ra trong Nghị quyết 54-NQ/TW; Kết luận 13-KL/TW; Các Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006, Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 10/2/2014, Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:*

(i) Kết quả đầu tư kết cấu hạ tầng cho các trường ở các cấp học: mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. **(Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)**

(ii) Kết quả đầu tư kết cấu hạ tầng các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, Khu đô thị đại học....**(Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)**

(iii) Kết quả đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ di dời các trường đại học ra ngoài Thủ đô Hà Nội và xây dựng một số trường đại học chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. **(Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)**

(iv) Phát triển kết cấu hạ tầng khác. **(Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)**

## **3. Đánh giá kết quả xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng, giai đoạn 2005-2020 và năm 2021**

*Phân tích và đánh giá kết quả xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng, giai đoạn 2005-2019, 2005-2020 và năm 2021, theo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển vùng được đề ra trong Nghị quyết 54-NQ/TW; Kết luận 13-KL/TW; Các Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006, Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 10/2/2014, Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:*

(i) Quy hoạch phát triển mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.**(Vụ GDDH thực hiện)**

(ii) Đề án xây dựng một trường đại học ở Thủ đô Hà Nội thành trung tâm đào tạo chất lượng cao và trường đại học mở kết hợp đào tạo từ xa đạt chuẩn các trường đại học tiên tiến trong khu vực; xây dựng các trường đại học chuyên ngành tại các tỉnh lân cận thành phố Hà Nội và các tỉnh khác trong Vùng đồng bằng sông Hồng; nghiên cứu xây dựng Khu đô thị đại học tại Hưng Yên.**(Vụ GDDH, Cục CSVC thực hiện)**

(iii) Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân tài.**(Vụ GDTTrH, Vụ GDDH thực hiện)**

(iv) Quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn khác về phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.**(Các Vụ/cục liên quan)**

*(Kèm theo phụ lục danh sách các văn bản, số hiệu văn bản, thời gian ban hành).*

**4. Đánh giá kết quả ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng, giai đoạn 2005-2020 và năm 2021**

**4.1 Cơ chế, chính sách nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng, giai đoạn 2005-2020 theo nhiệm vụ của Nghị quyết 54-NQ/TW**

(i) Cơ chế, chính sách cụ thể về đào tạo nhân lực, thu hút và sử dụng nhân tài. (Vụ GDDH, Cục NG&CBQLGD thực hiện)

(ii) Cơ chế, chính sách đảm bảo xã hội hóa giáo dục và đào tạo. (Vụ KHTC thực hiện)

(iii) Cơ chế chính sách khác về giáo dục, đào tạo cho vùng. (Các Vụ/Cục liên quan)

*(Kèm theo phụ lục danh sách các văn bản, số hiệu văn bản, thời gian ban hành).*

**4.2 Cơ chế, chính sách phát triển chung của ngành tác động đến giáo dục, đào tạo của vùng (Viện KHGDVN, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH, GDDH, KHTC, GDDT, Cục CSVC, HTQT, GDCTHSSV, NG&CBQLGD)**

*(Kèm theo phụ lục danh sách các văn bản, số hiệu văn bản, thời gian ban hành).*

**5. Đánh giá về hợp tác, liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng, giai đoạn 2005-2020 và năm 2021**

**5.1. Đánh giá kết quả và hiệu quả của các hoạt động hợp tác, liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng, giai đoạn 2005-2020 (Viện KHGDVN, Cục HTQT thực hiện)**

(i) Kết quả các hoạt động hợp tác và liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) trong xây dựng kết cấu hạ tầng.

(ii) Kết quả các hoạt động hợp tác và liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) trong thu hút và phân bổ vốn đầu tư.

(iii) Kết quả các hoạt động hợp tác và liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) nhằm giải quyết các vấn đề có tính vùng, liên vùng.

(iv) Các kết quả hợp tác và liên kết vùng khác.

**5.2. Đánh giá về các thể chế, cơ chế liên kết vùng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, giai đoạn 2005-2020 và năm 2021 (Viện KHGDVN, Cục HTQT thực hiện)**

**II. Đánh giá chung**

**1. Thành tựu (Viện KHGDVN, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH, GDDH, KHTC, GDDT, Cục CSVC, HTQT, GDCTHSSV, NG&CBQLGD, Phòng Thống kê-Cục CNTT thực hiện)**

- Về thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng của Nghị quyết 54-NQ/TW.



- Về xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Về xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Về ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Về bố trí và phân bổ các nguồn lực nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Về hợp tác và liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.

**2. Hạn chế (Viện KHGDVN, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH, GDDH, KHTC, GDDT, Cục CSVC, HTQT, GDCTHSSV, NG&CBQLGD, Phòng Thống kê-Cục CNTT thực hiện)**

- Trong thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng của Nghị quyết 54-NQ/TW.
- Trong xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Trong xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Trong ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Trong bố trí và phân bổ các nguồn lực nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.
- Trong hợp tác và liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.

**3. Nguyên nhân (Viện KHGDVN, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH, GDDH, KHTC, GDDT, Cục CSVC, HTQT, GDCTHSSV, NG&CBQLGD, Phòng Thống kê-Cục CNTT thực hiện)**

- Nguyên nhân của những thành tựu.
- Nguyên nhân của những hạn chế.

**4. Bài học kinh nghiệm (Viện KHGDVN, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH, GDDH, KHTC, GDDT, Cục CSVC, HTQT, GDCTHSSV, NG&CBQLGD, Phòng Thống kê-Cục CNTT thực hiện)**

**Phần thứ ba**

**Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển giáo dục đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

- I. Bối cảnh trong nước, quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng đồng bằng sông Hồng (**Viện KHGDVN, Cục HTQT thực hiện**)

1. Thuận lợi (*Tiềm năng, lợi thế và cơ hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng*).

2. Khó khăn, thách thức (*Hạn chế, khó khăn, thách thức đối với phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng*).

II. Quan điểm về phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (**Viện KHGDVN, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH, GDDH, GDDT thực hiện**)

- Quan điểm chung.

- Về giáo dục mầm non trong vùng. (**Vụ GDMN thực hiện**)

- Về giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trong vùng.

(**Vụ GDTH, GDTrH thực hiện**)

- Về giáo dục đại học trong vùng. (**Vụ GDDH thực hiện**)

- Về giáo dục dân tộc nội trú trong vùng. (**Vụ GDDT thực hiện**)

III. Mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (**Viện KHGDVN, Phòng Thống kê-Cục CNTT, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH, GDDH, GDDT thực hiện**)

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Mục tiêu chung.

- Về giáo dục mầm non trong vùng (**Vụ GDMN thực hiện**).

- Về giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trong vùng.

(**Vụ GDTH, GDTrH thực hiện**)

- Về giáo dục đại học trong vùng. (**Vụ GDDH thực hiện**)

- Về giáo dục dân tộc nội trú trong vùng. (**Vụ GDDT thực hiện**)

2. Tầm nhìn đến năm 2045

3. Chỉ tiêu đến năm 2030

(i) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia trong vùng đến năm 2025 và năm 2030.

(**Phòng Thống kê-Cục CNTT, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH**)

(ii) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học ở các mức độ; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các mức độ; tỷ lệ tốt nghiệp các cấp học trong vùng đến năm 2025 và năm 2030. (**Phòng Thống kê-Cục CNTT, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH**)

(iii) Tỷ lệ học sinh ở các cấp học đến trường: Mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trong vùng đến năm 2025 và năm 2030. (**Phòng Thống kê-Cục CNTT, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH**)

(iv) Tỷ lệ kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên trong vùng đến năm 2025 và năm 2030. (**Cục CSVC thực hiện**)

(v) Các chỉ tiêu khác về phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng (**Phòng Thống kê-Cục CNTT, Vụ GDMN, GDTH, GDTrH**)

IV. Nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030



1. Về xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch và các đề án lớn nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng (Vụ KHTC, Vụ GDDH thực hiện)
2. Về xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng (Vụ Pháp chế, các Vụ Cục liên quan thực hiện)
3. Về xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng (Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)
4. Về phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng (Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)
5. Về các chương trình, dự án cụ thể cần triển khai nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng (Vụ KHTC, Cục CSVC thực hiện)
6. Về phát triển nguồn nhân lực cho ngành giáo dục và đào tạo trong vùng (Vụ GDDH thực hiện)
7. Về hợp tác và liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) nhằm phát triển giáo dục và đào tạo (Cục HTQT thực hiện)
8. Các nhiệm vụ, giải pháp khác (Vụ GDMN, GDTH, GDTTrH, GDDH, KHTC, GDDT, GDCTHSSV, Cục NG&CBQLGD, CSVC, HTQT, Viện KHGDVN thực hiện)

**Phần thứ tư**  
**KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

4. Kiến nghị, đề xuất (Vụ GDMN, GDTH, GDTTrH, GDDH, KHTC, GDDT, GDCTHSSV, Cục NG&CBQLGD, CSVC, HTQT, Viện KHGDVN thực hiện)
  - 4.1 Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư
  - 4.2 Đối với Đảng đoàn Quốc hội
  - 4.3 Đối với Ban cán sự Đảng Chính phủ, Bộ, ngành
  - 4.4 Đối với các tỉnh, thành ủy thuộc vùng đồng bằng sông Hồng